**BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**Đọc – hiểu văn bản 1**

**MỜI TRẦU**

***-Hồ Xuân Hương***-

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Những cánh buồm” [4].

- Nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,...) của bài thơ [5].

- Nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản; công dụng của dấu chấm lửng; ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh. [6].

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Những cánh buồm” [7].

- Suy ngẫm về ước mơ của bản thân và những việc làm để thực hiện ước mơ [8].

***2. Về phẩm chất:***

- Yêu thương, sống có tình người, biết không ngừng ước mơ cho cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp hơn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà thơ Hồ Xuân Hương và văn bản “Mời trầu”…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc - hiểu.

**HS** suy nghĩ, chia sẻ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Hãy nêu nhưng hiểu biết của em về nguồn gốc của trầu cau và tục ăn trầu?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS** suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**GV** hướng dẫn HS chia sẻ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

Gợi ý: Trầu cau có nguồn gốc từ xa xưa (theo sự tích trầu cau). Ăn trầu là tập tục phổ biến tại Việt Nam từ lâu đời và được truyền cho đến ngày nay. Đến bây giờ lượng người ăn trầu cau không còn nhiều như trước, chủ yếu là những người cao tuổi như ông bà cha mẹ chúng ta. Ngoài ra trầu cau còn xuất hiện ở rất nhiều hoạt động văn hóa khác như thờ cúng hay cưới hỏi. Mỗi mâm cỗ cúng bái đều có trầu cau như một hình ảnh tượng trưng không thể thiểu. Trong dám hỏi cũng không thể thiếu cau trầu. Vì vậy trầu cau đã trở thành một phần đời sống tinh thần của người Việt...

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- GV kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: Cách mời trầu của Hồ Xuân Hương rất độc đáo, ấn tượng không giống với cách mời trầu thông thường, đồng thời còn gửi gắm một nỗi niềm sâu sa. Vậy, cụ thể như thế nào chúng ta cùng khám phá qua tác phẩm...

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (...’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Kiến thức ngữ văn** | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]; [5]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trò chơi tiếp sức - chia lớp thành 3 đội (3 nhóm lớn): Thi viết nhanh (điền từ) thiếu vào dấu (…) ở phần 1:  1. **Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật**:  + Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học ..., có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triéu Tiên, Nhật Bản.  + Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể ... (mỗi câu bảy chữ) và ... (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: ... (mỗi bài tám câu) và ... (mỗi bài bốn câu).  + Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: *... ,* mỗi phấn có hai câu (gọi là *liên).* Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): *...*  + Niêm (nghĩa đen: *dính,* vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng ... (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới, ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.  + Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật ... Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh ... (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (...).  + Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần .... Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần ... ở cuối các câu 1,2,4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1,2,4.   * Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp ... (với thơ thất ngôn) hoặc ... (với thơ ngũ ngôn). * Đối: Trong thơ Đường luật, ở phán *...,* các chữ ở các câu thơ phải đối nhau vế âm, vế từ loại và vé nghĩa; ví dụ: chữ vân bằng đối với chữ vân trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...   **? Thế nào là thơ trào phúng? Kể tên một số thủ pháp nghệ thuật?**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm theo dõi Kiến thức ngữ văn-SGK để điền từ nhanh (mỗi thành viên chỉ được viết 1 lần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét...  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm, công bố kết quả.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật**  - Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc, có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản.  - Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt01 (mỗi bài bốn câu).  - Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: *để, thực, luận, kết,* mỗi phấn có hai câu (gọi là *liên).* Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): *khởi, thừa, chuyển, hợp.*  *-* Niêm (nghĩa đen: *dính,* vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng thanh (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới, ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.  - Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh bằng (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (dấu hỏi, ngã, sắc, nặng).   * Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần trắc. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1,2,4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1,2,4. * Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp 4/3 (với thơ thất ngôn) hoặc 2/3 (với thơ ngũ ngôn). * Đối: Trong thơ Đường luật, ở phán *thực* và *luận,* các chữ ở các câu thơ phải đối nhau vế âm, vế từ loại và vé nghĩa; ví dụ: chữ vân bằng đối với chữ vân trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...   **2. Thơ trào phúng và một số thủ pháp nghệ thuật/SGK/Tr 39** |

**2.2 Đọc – hiểu văn bản (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…’)** | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  \* Đọc  - Hướng dẫn: Đọc bài với giọng truyền cảm, tha thiết, đằm thắm pha chút hóm hỉnh.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn (gọi 2-3 học sinh).  - HS đọc đúng, giải thích được một số từ khó.  **1. Tác giả**  - Hoạt động cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và thực hiện phiếu bài tập.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần)  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. **(MH lớp học đảo ngược)**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  **PHIẾU HỌC TẬP 1**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm**  Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | **Thể hiện trong văn bản: *Mời trầu*** | | Số chữ, số dòng |  | | Bố cục |  | | Luật |  | | Vần |  | | Nhịp |  |   + Văn bản sử dụng những phương thức biểu đạt chính nào?    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **PHIẾU HỌC TẬP 1**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm**  Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | **Thể hiện trong văn bản: *Mời trầu*** | | Số chữ, số dòng | 7 chữ, 4 dòng | | Bố cục | 4 phần: Khởi - thừa - chuyển - hợp | | Luật | Bài thơ thuộc luật bằng. | | Vần | Vần bằng "ôi", cuối câu 1, 2, 4. | | Nhịp | 4/3 |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời: 1. Bài thơ gắn với phong tục ăn trầu, mời trầu của người Việt. Nội dung phong tục ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm này?  2. Hãy chỉ ra những từ ngữ liên quan đến ca dao, tục ngữ trong câu thơ thứ nhất và phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong câu thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  1. Nội dung phong tục ấy được thể hiện qua hai câu thơ đầu của bài thơ. Hai câu thơ là lời mời trầu đầy hóm hỉnh:  *“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,*  *Này của Xuân Hương mới quệt rồi”.*  2. *- "Quả cau nho nhỏ" trong ca dao:*  *"Quả cau nho nhỏ*  *Cái vỏ vân vân*  *Nay anh học gần*  *Mai anh học xa..."*  - "Miếng trầu" trong tục ngữ:  *"Miếng trầu là đầu câu chuyện"*  *"Miếng trầu nên dâu nhà người"*  -> Gợi hình ảnh quen thuộc, dân giã...  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời:  1. Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương. Những từ ngữ đó đã thể hiện thái độ và tình cảm gì của tác giả?  2. Hãy nêu nhận xét về nghệ thuật và nội dung của hai câu thơ đầu?  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  1. Từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương:  "Này của Xuân Hương mới quệt rồi."  Một cách thể hiện cái tôi của mình rất độc đáo mà lại duyên dáng. Nhà thơ tự trải lòng mình, bày tâm tư, tình cảm một cách chân thật. Chữ “này” biểu thị một cử chỉ thân mật, vồn vã, chân thành đối với khách. Cụm từ “Mới quệt rồi” vừa giới thiệu miếng trầu tươi ngon, vừa biểu lộ một tấm lòng chân thành, hiếu khách của cô gái.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời:  1. Chỉ ra những từ ngữ liên quan đến thành ngữ trong câu thơ và phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung?  2. Em nhận xét gì về nghệ thuật, nội dung của hau câu thơ cuối?  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  - Thành ngữ *"xanh như lá và bạc như vôi"* được áp dụng trong câu thơ "Đừng xanh như lá, bạc như vôi". Việc đưa thành ngữ vào tác phẩm đã được nhà thơ xử lí rất tinh tế, tài tình và nhuần nhuyễn. Việc đưa thành ngữ như thầm nhắc khẽ “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Thi sĩ Xuân Hương như đang ngầm răn đe người khách đang mời trầu: đừng bội tình bạc nghĩa. Câu thơ “Đừng xanh như lá, bạc như vôi” cho ta nhiều ngại ngùng về một điều gì sẽ xảy ra, chẳng bao giờ “thắm lại” được.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn.  - Phát phiếu học tập.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu nghệ thuật chính được sử dụng trong văn bản.  ? Nội dung chính của văn bản “*Mời trầu"* là gì?  ? Bài *Mời trẩu* thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc. Theo em, đó là những cảm xúc gì? Hăy làm sáng tỏ điều đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Chia sẻ cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận  nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **- KL:** “Mời trầu” thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc của tác giả. Qua “Mời trầu” ta thấy được những khát khao hạnh phúc chân thành, nồng ấm. Cùng với đó là nỗi băn khoăn của nhân vật trữ tình về tình yêu, mong rằng nó “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Xuân Hương mượn ngay hình ảnh của lá trầu, vôi trắng mà gửi thầm cái nguyện ước nhắn nhủ của bản thân mình.  => Qua bài thơ có thể thấy được Xuân Hương là một người mạnh mẽ, bà có tiếng nói riêng đại diện cho những người phụ nữ.  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | **1. Tác giả**    - Hồ Xuân Hương (Nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX).  - Quê ở Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An.  - Có tài, giao du rộng, tình duyên ngang trái.  - Thơ của bà trữ tình, đằm thắm, chua xót; trào phúng, hóm hỉnh, sâu cay; ngôn ngữ bình dị, biểu cảm, giàu cá tính.  **2. Tác phẩm**  - **Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  **- Phương thức biểu đạt chính**: Biểu cảm.  **- Bố cục:** Khởi - thừa - chuyển - hợp  Câu 1: Hình ảnh quả cau miếng trầu  Câu 2: Khẳng định bản thân  Câu 3: Câu nói giao duyên  Câu 4: Niềm mong mỏi về hạnh phúc lứa đôi  **- Chủ đề**:  Bài thơ thể hiện ước mơ về cuộc sống hạnh phúc, tình yêu chính đáng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến  **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB**  **1. Hai câu thơ đầu**  Câu 1:  *"Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi"*  Giới thiệu hình ảnh quả cau miếng trầu "*nho nhỏ"*, xoàng xĩnh.  Câu 2:  *"Này của Xuân hương mới quệt rồi*"  Lời mời trầu tự nhiên, thân mật *"này", "quệt"*.  **=> Với việc sử dụng từ ngữ độc đáo; cách vận dụng ca dao, tục ngữ tài tình đã làm nổi bật thân phận nhỏ nhoi nhưng cũng khẳng định được cái tôi bản lĩnh, táo bạo của bà chúa thơ Nôm.**  **2. Hai câu thơ cuối**  Câu 3:  *"Có phải duyên nhau thì thắm lại"*  Lời nhắn gửi về sự gắn bó chung tình.  Câu 4:  *"Đừng xanh như lá, bạc như vôi”*  Câu phủ định, so sánh, thành ngữ để phê phán sự hờ hững, lạnh nhạt trong tình cảm  **🡪 Hai câu thơ sử dụng chất liệu dân gian độc đáo, thành ngữ *"xanh như lá, bạc như vôi"* và chữ dân gian *"phải duyên"* bộc lộ tâm trạng về khát vọng hạnh phúc lứa đôi, đồng thời là lời cảnh báo của nữ sĩ đối với thói bạc tình, bạc nghĩa.**  **III. Tổng kết**  - Nghệ thuật: Từ ngữ thuần Việt, dân dã, đa nghĩa giàu biểu cảm, đậm đà sắc thái dân gian  - Nội dung: Tấm lòng thiết tha của Hồ Xuân Hương về sự thắm thiết và nghĩa tình giữa người với người. |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: GV** hướng dẫn HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV cho HS thực hiện cá nhân.

Nhiệm vụ 1: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

1. Bài thơ "Mời trầu" thuộc phương thức biểu đạt chính nào?

a . Tự sự **b. Biểu cảm** c. Miêu tả d. Nghị luận

2. Vì sao em biết bài thơ "Mời trầu" thuộc phương thức biểu đạt mà em đã khoanh tròn ở câu 1?

**a. Vì bài thơ bày tỏ tình cảm, cảm xúc**

b. Vì bài thơ tái hiện trạng thái sự vật, con người

c. Vì bài thơ trình bày diễn biến sự việc

3. Giá trị nghệ thuật của bài thơ "Mời trầu"

a. Giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút đùa vui hóm hỉnh, toát lên một cảm giác nhẹ nhàng nữ tính.

b. Ngôn ngữ thơ nôm bình dị mà gợi cảm và có hồn.

c. Hình tượng nhân vật được xây dựng có cá tính độc đáo.

**d. Tất cả đều đúng.**

Nhiệm vụ 2: Hồ Xuân Hương viết về việc mời trầu nhưng là để nói chuyện tình cảm. Nêu lên điều tác giả muốn nói qua bài thơ này bằng một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

- Suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

* Suy nghĩ cá nhân 3’ và ghi ra giấy nhiệm vụ 2 .

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** chia sẻ ý kiến cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.

**Đoạn văn tham khảo:** Bài thơ mời trầu là một thi phẩm xuất sắc được nhiều thế hệ bạn đọc yêu thích của Hồ Xuân Hương. Bài thơ Mời Trầu mang đậm phong cách thơ của bà, là tiếng nói bênh vực số phận bi thảm của người phụ nữ trong thời kì xưa. Chỉ với bốn câu thơ nhưng cũng đủ bộc lộ những tâm tư của bà về tình duyên và cuộc đời. Từ miếng trầu, Hồ Xuân Hương muốn nói đến tình người, đến mối quan hệ giữa con người với nhau không phải ở hình thức giao đãi bên ngoài mà chủ yếu là sự gắn chân tình thủy chung với nhau. Bài thơ nói lên được ý thức cá nhân, tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa mặc cho những hủ tục, những định kiến u ám của thời đại. Qua đó là một tiếng nói trân trọng người phụ nữ, trân trọng những giá trị và ước mơ của họ trước cuộc đời.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn khi gặp bài thơ cùng đề tài.

**b) Nội dung:** GV nêu câu hỏi vận dụng và gọi HS chia sẻ cá nhân.

**c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời

Chỉ ra sự giống nhau và khác nhau về thể thơ, đề tài, thái độ của tác giả được thể hiện trong bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương với bài ca dao sau:

*Miếng trầu ăn kết làm đôi*

*Lá trầu là vợ, cau tươi là chồng*

*Trầu xanh, cau trắng cay nồng*

*Vôi pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** suy nghĩ và chia sẻ

**GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B3: Báo cáo kết quả**

**HS**: Chia sẻ cá nhân.

**GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

\* GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh:

- Bài thơ Mời trầu của nhà thơ Hồ Xuân Hương và bài ca dao khác nhau về thể thơ: Bài thơ mời trầu là thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật; Bài ca dao là thơ lục bát.

- Đề tài của hai bài cũng tương đối giống nhau: Đều nói về tình yêu đôi lứa.

- Thái độ của tác giả:

+ Bài ca dao: Vui mừng trước tình yêu đôi lứa.

+ Bài thơ mời trầu: Bày tỏ thái độ băn khoăn, không đồng tình trước sự bội bạc, bạc bẽo.

\* **Hướng dẫn tự học:**

- HS đọc lại bài thơ, xem lại nội dung bài học.

- Xem trước bài Cảnh khuya/SGK/Tr 42.

- Chuẩn bị bài dựa vào câu hỏi trong Phiếu học tập và SGK.